Chuyên đề 6: ĐẠO ĐỨC CÔNG VỤ

 *(Tài liệu ôn tập thi tuyển công chức, viên chức tỉnh Quảng Ngãi năm 2019)*

*------*

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐẠO ĐỨC

1. Quan niệm chung về đạo đức

a. Khái niệm đạo đức

Đạo đức là mặt tinh thần của đời sống xã hội, gắn với con người, tồn tại cũng
với xã hội loài người.. Với tư cách là một phương diện của đời sống xã hội, đạo
đức hiện diện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội (đạo đức trong kinh tế,
đạo đức trong chính trị, đạo đức trong nghệ thuật, đạo đức trong tôn giáo…). Đạo
đức bao gồm ý thức đạo đức và hành vi đạo đức. Như vậy, đạo đức là tổng hợp
những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực xã hội nhằm điều chỉnh các hành vi của
con người trong quan hệ với nhau và quan hệ với xã hội, được thực hiện bởi niềm
tin cá nhân, sức mạnh truyền thống và sức mahnj của dư luận xã hội.

b. Mối quan hệ giữa đạo đức với chính trị, pháp luật, tôn giáo
Trong xã hội, đạo đức của cá nhân người lao động trong các nghề nghiệp
khác nhau luôn gắn liền với nhiều yếu tố như: chính trị, pháp luật, tôn giáo...
Đồng thời, đạo đức gắn liền với cộng đồng dân cư, tổ chức và xã hội nơi con
người sinh sống. Do đó để hiểu đạo đức của từng cá nhân lao động trong các
nghề nghiệp khác nhau, trong xã hội ở các giai đoạn nhất định của lịch sử, phải
xem xét mối quan hệ đạo đức với các thành tố khác ngoài nó.

- Đạo đức và chính trị: quan hệ giữa đạo đức và chính trị là mối quan hệ
biện chứng, được thể hiện trên những bình diện chủ yếu sau:

Thứ nhất, tác động qua lại giữa các học thuyết chính trị và các quan niệm
về ý nghĩa cuộc sống, lý tưởng của con người. Quan niệm về ý nghĩa và mục
đích cuộc sống được hình thành trong chính trị có ý nghĩa to lớn đối với hoạt
động tự giác của con người. Thông qua các hoạt động tự giác, đạo đức của xã
hội và cá nhân được thể hiện và thực hiện.

Thứ hai, quan hệ giữa đạo đức và thực tiễn chính trị của một giai
cấp. Đối với xã hội có giai cấp đối kháng, đạo đức của giai cấp thống trị là đạo
đức chính thống của xã hội. Đạo đức này thường nhân danh những giá trị mang
ý nghĩa phổ biến vì thế nó thường có khoảng cách với thực tiễn chính trị - trực
tiếp thực hiện lợi ích của giai cấp thống trị.

Thứ ba, sự thống nhất giữa đánh giá chính trị và đánh giá đạo đức. Đánh
giá chính trị dựa trên cơ sở làm rõ lợi ích đối với xã hội, đối với giai cấp của một
hành động nhất định. Còn đánh giá đạo đức thì căn cứ vào sự xác định dụng ý và
động cơ của hành vi. Tuy nhiên, không có sự phân biệt rạch ròi giữa hành vi
chính trị với hành vi đạo đức - những kết quả chính trị thực tiễn có lợi cho xã
hội, giai cấp đều có thể được xem như những giá trị đạo đức

- Đạo đức và pháp luật

Pháp luật xác định những giới hạn cho hành động của con người, xác lập
chế độ và mức độ trừng phạt cho những trường hợp vi phạm giới hạn. Bằng
trừng phạt, pháp luật điều tiết hành vi con người một cách cưỡng chế. Đạo đức
xác định giá trị cho hành động tự nguyện tự giác của con người, xác định giới
hạn cho điều thiện và điều ác. Đạo đức không trừng phạt hành vi vi phạm bằng
sự cưỡng chế từ bên ngoài mà trừng phạt bằng sự tự vấn lương tâm bên trong
chủ thể. Chuẩn mực pháp luật xác lập những điều kiện tối thiểu của đời sống và
trật tự xã hội. Nó xác định ranh giới cho các hành vi: phải làm, không được làm
và được làm. Vì vậy người ta gọi là pháp luật là đạo đức tối thiểu. Chuẩn mực
đạo đức xác lập những điều kiện tối đa của cuộc sống và trật tự xã hội. Nó xác
lập hành vi nên làm và không nên làm. Vì vậy nó không có sự đảm bảo đảm
bằng sự cưỡng bức của pháp luật. Dư luận xã hội ở bên ngoài và lương tâm ở
bên trong là cái điều chỉnh hành vi đạo đức. Vì vậy người ta gọi đạo đức là pháp
luật tối đa. Pháp luật là một trong những biện pháp để khẳng định một chuẩn
mực nhất định, biến nó thành thói quen, thành yêu cầu bên trong con người, do
đó biến nó thành chuẩn mực đạo đức.

- Đạo đức và tôn giáo

Tôn giáo có năng lực giải thích và hướng dẫn hành vi con người, tức là
có năng lực đóng vai trò đạo đức. Vấn đề cơ bản của mọi lý thuyết đạo đức tôn
giáo và mọi học thuyết đạo đức khác nhau là vấn đề ý nghĩa cuộc sống con
người. Tôn giáo xuất hiện trong điều kiện con người không tìm được hạnh phúc
trong cuộc sống trần thế. Với chức năng đền bù hư ảo, tôn giáo đưa đến cho con
người những cứu cánh, sự giải thoát về mặt tinh thần. Tôn giáo có chứa đựng
nhiều chuẩn mực đạo đức phù hợp với con người, đáp ứng nhu cầu của một bộ
phận quần chúng nhân dân.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cán bộ, công chức

a. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng

- Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Đạo đức cách mạng là quyết tâm suốt đời đấu
tranh cho Đảng, cho cách mạng. Đó là điều chủ chốt nhất. Ra sức làm việc cho
Đảng, giữ vững kỷ luật Đảng thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng. Đặt
lợi ích của Đảng và nhân dân lao động lên trên, lên trước lợi ích của cá nhân
mình. Hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân. Vì Đảng, vì dân mà đấu tranh quên
mình, gương mẫu trong mọi việc. Ra sức học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, luôn
luôn dùng phê bình và tự phê bình để nâng cao tư tưởng và cải tiến công tác của
mình và cùng đồng chí mình tiến bộ”[[1]](#footnote-1). Hồ Chí Minh thường xuyên kêu gọi giáo
dục mọi người thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư và đưa vào
những khái niệm đó nội dung mới cho phù hợp với phẩm chất cách mạng của
cán bộ, Đảng viên ta.

+ “Cần” được Hồ Chí Minh phân tích không chỉ là sự cần cù, siêng năng,
chăm chỉ, dẻo dai mà phải là làm việc có kế hoạch, khoa học, biết cải tiến kỹ
thuật để đem lại năng suất lao động cao để xây dựng một chế độ xã hội tốt đẹp.

+ “Kiệm” là tiết kiệm, không xa xỉ, không hoang phí, tiết kiệm chỉ là những
yếu tố vật chất mà theo người cần tiết kiệm cả về mặt thời gian, làm công việc
phải cho nhanh không nên chậm rãi. Tiết kiệm không có nghĩa là bủn xỉn, keo
kiệt. Khi không nên tiêu xài thì một đồng xu cũng không nên tiêu. Khi có việc
đáng làm thì dù bao nhiêu công, tốn bao nhiêu sức cũng vui lòng. Tiết kiệm cần
đi đôi với chống xa xỉ, ăn sung mặc đẹp khi đồng bào còn thiếu thốn đó là xa xỉ,
cần phải hạn chế nhu cầu này.

+ “Liêm” là trong sạch, không tham lam, không tham tiền, của, địa vị, danh
lợi. Bác dạy cán bộ luôn phải giữ lấy chữ liêm làm đầu. Nếu tham tiền của, danh
lợi, địa vị đó là bất liêm, bất liêm sẽ dẫn tới làm bậy, xã hội sẽ loạn. Từ đó Hồ
Chí Minh còn đưa ra những biện pháp để trừng trị bất liêm như: Phải sử dụng
pháp luật để trừng trị kẻ bất liêm. Cán bộ thi đua thực hành liêm khiết, một dân
tộc mà biết cần, kiệm, liêm là một dân tộc giàu về vật chất, mạnh về tinh thần, là
một dân tộc văn minh tiến bộ.

+ “Chính” là thẳng thắn, đúng đắn, là người làm việc công phải có công
tâm, công đức. Chớ đem của công dùng vào việc tư, chớ đem người tư dùng vào
việc công. Việc gì cũng phải công minh chính trực, không nên tư ân, tư huệ, tư
thù, tư oán. Đấy là những đức tính xấu của con người, phải dùng người tài năng,
làm được việc, phải trung thành với Chính phủ và đồng bào. Không được lên
mặt làm “quan cách mạng”.

+ “Chí công vô tư” có nghĩa là hết sức lo cho công việc chung, không màng
tư lợi. Hết sức vì sự công bằng, biết đặt lợi ích của Đảng, của cách mạng, của
nhân dân, của Tổ quốc, của tập thể lên trên lợi ích của riêng tư. Thực hiện được
đạo đức này, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng có nghĩa là đã thực hiện được
trách nhiệm mình vì mọi người, mọi người vì mình, thực hiện được đạo đức này
cũng chính là đã chối được chủ nghĩa cá nhân, đấy là kẻ thù nguy hiểm nhất của
đạo đức cách mạng, nó sẽ dẫn người ta đi đến những căn bệnh tham lam, ích kỉ,
quyền hành, tự kiêu, tự tại, coi thường tập thể, từ đó thiếu ý thức tổ chức, tinh
thần trách nhiệm không cao, tính kỷ luật kém làm hại đến nhân dân, Đảng và
cách mạng. Bên cạnh những chuẩn mực đạo đức như cần, kiệm, liêm, chính chí
công vô tư. Chủ tịch Hồ Chí Minh còn đề cập một số phạm trù đạo đức như
nhân, nghĩa, trí, dũng, tín với tư cách những phẩm chất cơ bản của đạo đức cách
mạng.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng chỉ rõ: “Đạo đức cách mạng là hoà mình với
quần chúng thành một khối, tin quần chúng, hiểu quần chúng, lắng nghe ý kiến
của quần chúng. Do lời nói và việc làm, đảng viên, đoàn viên và cán bộ làm cho
dân tin, dân phục, dân yêu, đoàn kết quần chúng chặt chẽ xung quanh Đảng, tổ
chức tuyên truyền và động viên quần chúng hăng hái thực hiện chính sách và
nghị quyết của Đảng”21. Đạo đức cách mạng theo quan điểm Chủ tịch Hồ Chí
Minh đòi hỏi công chức phải là công bộc của dân, mọi hoạt động đều lấy nhân
dân làm mục đích phục vụ. Công chức phải hiếu với dân - nghĩa là, tuyệt đối
trung thành phục vụ nhân dân, “Lấy dân làm gốc” phát huy quyền dân làm chủ.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng là kết quả của sự vận dụng
sang tạo chủ nghĩa Mắc - Lênin vào điều kiện cụ thể ở nước ta, kế thừa và phát
triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân
loại. Người cho rằng: Sức mạnh của đạo đức cách mạng là ở chỗ nó
xóa đi những gì là lỗi thời và phát huy mạnh mẽ những tiềm năng tinh thần,
những phẩm chất đạo đức đang tồn tại. Sự nghiệp cách mạng đòi hỏi phải có con
người cách mạng với tinh thần cách mạng. Cho nên, đạo đức cách mạng là bước
ngoặt lớn nhất, bước ngoặt căn bản của lịch sử đạo đức Việt Nam trong truyền
thống đạo đức Việt Nam. Đạo đức này phục vụ cho sự nghiệp cách mạng và bản
thân nó cũng tạo cho mình một chuyển biến cách mạng.

- Đạo đức cách mạng trước hết là đạo đức của những người làm cách mạng,
là đạo đức của cán bộ, đảng viên, những người phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân
dân. Đạo đức cách mạng của cán bộ, công chức được thể hiện thông qua những
hành vi hoạt động của họ vì cách mạng, vì sự nghiệp chung của nhà nước và xã
hội. Do vậy, đạo đức cách mạng khác hẳn với đạo đức cũ.

b. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức nghề nghiệp

Hồ Chí Minh khi bàn về vấn đề đạo đức của đảng viên, cán bộ, công chức
thường sử dụng các phạm trù “Đức” và “Tài”. Trong giai đoạn hiện nay, Đảng
và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm xử lý hài hòa chú trọng hai phẩm chất này vì
công cuộc xây dựng, đổi mới đất nước, đồng thời đặt ra những yêu cầu về tu
dưỡng, rèn luyện nâng cao phẩm chất và năng lực đối với cán bộ công chức,
nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý. Công chức phải có đức, có tài. Người viết rằng
Cũng như sông phải có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Câyphải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức,không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Khi
nói, người cán bộ, công chức có đức, có tài là muốn đề cập đến những khía cạnh
hết sức cụ thể chẳng hạn: Phẩm chất chính trị; phẩm chất đạo đức; trình độ học
vấn; chuyên môn, năng lực quản lý, điều hành... và tài bao chứa ở trong nhau.
Hơn bao giờ hết, đạo đức cán bộ, công chức phải thể hiện sự thống nhất giữa
đức và tài, trong đó đức là gốc.

Việc đòi hỏi cán bộ, công chức phải có đức, có tài trong thực thi công vụ là
muốn đề cập tới những tiêu chuẩn chung nhất của người cán bộ, công chức. Đối
với cán bộ, công chức, tất yếu có kiến thức về quản lý nhà nước; có năng lực
điều hành và tổng kết thực tiễn; có khả năng thể chế hoá các chỉ thị và nghị
quyết của Đảng, tinh thông về chính sách và pháp luật; nghiệp vụ hành chính;
tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, coi trọng cả "đức" và "tài",
"đức" là gốc.

Hồ Chí Minh chính là hiện thân của mối quan hệ "đức" và "tài". Ở Người,
"đức" và "tài" là một, "đức" là biểu hiện của "tài" và "tài" là biểu hiện của "đức".
Người cho rằng cán bộ, công chức, viên chức, muốn giúp công việc Chính phủ
một cách đắc lực, nâng cao tinh thần kháng chiến, phải có bốn đức tính là: cần,
kiệm, liêm, chính.

Đây cũng là bốn đức tính đạo đức cần có của người cán bộ, đảng viên,
công chức hiện nay thể hiện thông qua những hành vi cụ thể trong hoạt động
thực thi công vụ. Hành vi đạo đức của cán bộ, công chức hình thành và phát
triển trong thực tiễn cuộc sống hàng ngày phục vụ nhân dân; phụng sự sự nghiệp
cách mạng của Đảng. Không có đạo đức chung chung, trừu tượng, bên ngoài
cuộc sống, càng không có thứ đạo đức suông. Cán bộ, công chức phải gương
mẫu về đạo đức. Sự gương mẫu về đạo đức là một trong những chuẩn mực đặc
trưng của nền công vụ. Người có quyền lực càng lớn, địa vị càng cao thì càng
phải thường xuyên tu dưỡng và làm gương sáng về đạo đức.

Đạo đức cán bộ, công chức theo tư tưởng của Hồ Chí Minh còn có nghĩa là
Chính phủ, cán bộ phải lấy tinh thần là công bộc của dân, là đầy tớ của dân mà
đối xử với dân. Quan điểm này có thể coi là một đặc trưng tiêu biểu của đạo đức
công vụ. Tinh thần đầy tớ của dân một mặt có ý nghĩa là tôn trọng quyền dân
chủ của nhân dân mặt khác có ý nghĩa người được giao trách nhiệm đại diện cho
nhân dân phải tận tâm, tận tụy với công việc, với dân, phụng sự nhân dân hết
mình như giữ đạo hiếu với cha mẹ. Cán bộ là “công bộc của dân”, là “đầy tớ của
dân” càng có ý nghĩa khi sự nghiệp đổi mới hiện nay cần có sự tham gia của
toàn dân, cần phát huy, học tập và làm theo những tình cảm đạo đức trong sáng
của Người. Đạo đức cán bộ, công chức ở Việt Nam dựa trên lập trường của giai
cấp công nhân chỉ có một mục đích: Vì cuộc sống ấm no, hạnh phúc của nhân
dân; chỉ có một tinh thần: Tận tụy hy sinh vì dân, vì nước. Đạo đức cán bộ, công
chức “đức” và “tài” không tách rời nhau.

II. ĐẠO ĐỨC CÔNG VỤ

1. Quan niệm chung về đạo đức công vụ

a. Khái niệm đạo đức công vụ

Công vụ là một nghề, vì thế, đạo đức công vụ cũng là một dạng đạo đức
nghề nghiệp, nhưng là dạng đạo đức đặc biệt, bởi vì khi thực hiện nhiệm vụ,
quyền hạn của mình, cán bộ, công chức vừa phải đảm bảo những tiêu chí, giá trị
đạo đức chung, vừa phải tuân thủ những nguyên tắc trong thi hành công vụ, bảo
đảm hài hòa vừa hợp hiến, hợp pháp, hợp lý. Với cách tiếp cận như vậy, có thể
quan niệm: đạo đức công vụ là những tiêu chí, chuẩn mực đạo đức của cán bộ,
công chức trong thực thi công vụ; khi thực thi công vụ, cán bộ, công chức phải
tuyệt đối chấp hành. Điều này có nghĩa là:

- Người làm việc trong các cơ quan nhà nước nói riêng, trong các cơ quan,
tổ chức của hệ thống chính trị nói chung, tùy theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm
quyền của mình có trách nhiệm tham mưu, giúp việc cho thủ trưởng đơn vị và
các phòng ban chức năng xây dựng, ban hành các chính sách, thể chế quản lý
với tinh thần phục vụ nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân làm ăn sinh
sống, thực hiện các quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân; cung cấp
các dịch vụ hành chính công cho nhân dân đảm bảo yêu cầu thuận tiện, không
sách nhiễu phiền hà, tôn trọng dân tránh thái độ cửa quyền, ban ơn.

- Đối với công chức ở các đơn vị, tổ chức sự nghiệp phục vụ các dịch vụ xã
hội, dân sinh như các tổ chức y tế chăm sóc sức khỏe cho dân, các cơ sở giáo
dục, các cơ sở dịch vụ văn hóa tinh thần và các dịch vụ dân sinh khác phải làm
hết trách nhiệm, nghĩa vụ với tinh thần tận tụy, tôn trọng nhân cách của con
người, thương yêu con người, phấn đấu vì một xã hội tốt đẹp. Thái độ cửa
quyền, ban ơn, hách dịch hoặc thương mại hóa các hoạt động dịch vụ đó đều trái
với phẩm chất đạo đức của người công chức XHCN.

- Tính nguyên tắc và ý thức tổ chức kỷ luật là quy định bắt buộc để công chức
thực hiện nhiệm vụ, công vụ; là việc chấp hành nghiêm các quy định, nội quy, chế
độ làm việc, không tùy tiện, không làm việc theo tùy thích và cảm tình cá nhân; là
tận tâm, tận lực hoàn thành tốt nhiệm vụ với tính tự giác cao. Trong hoạt động công
vụ, nhân sự hành chính là khâu then chốt, có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả công
việc. Toàn bộ đối với hoạt động của bộ máy nhà nước, các cơ quan hành chính
trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân giao nếu “có cán bộ tốt, việc gì
cũng xong. Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém. Đó là
một chân lý...”, do vậy, “cán bộ là cái gốc của mọi công việc”[[2]](#footnote-2).

- Đoàn kết, hợp tác với đồng nghiệp trong cơ quan, với các cơ quan, đoàn
thể, các tổ chức có liên quan tới công vụ nhằm phát huy trí tuệ, phát huy sức
mạnh tổng hợp của tập thể, hoàn thành nhiệm vụ một cách tốt nhất. Người có
tinh thần và thể hiện sự đoàn kết, hợp tác là người biết nhận khó khăn về mình,
gặp khó khăn, trở ngại trong công việc biết hợp tác cùng nhau tìm cách giải
quyết, không tranh công, đổ lỗi và sẵn sàng giúp đỡ đồng nghiệp cùng hoàn
thành nhiệm vụ. Không ganh tỵ, đố kỵ tạo cơ hội để đồng nghiệp cùng phát
triển, tiến bộ. Tinh thần đoàn kết, hợp tác đòi hỏi người công chức phải vì tập
thể, vì việc công, có ý thức xây dựng cơ quan tập thể nơi mình công tác thành
đơn vị vững mạnh. Cùng với ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức công vụ đòi hỏi ở
người công chức phải làm việc có tinh thần sáng tạo, phát huy sáng kiến, hoàn
thành nhiệm vụ, không thụ động, máy móc, quan liêu.

- Có tư duy sáng tạo, có phương pháp làm việc khoa học, biết đề xuất sáng
kiến để nâng cao năng suất lao động, hoàn thành nhiệm vụ với hiệu quả cao là
những phẩm chất rất cơ bản và cần thiết của đạo đức công chức trong nền công
vụ hiện đại. Tinh thần lao động sáng tạo, xuất phát từ bản chất và lợi ích của giai
cấp công nhân. Và cũng chính những đặc điểm đó quy định phẩm chất đạo đức
của người công chức XHCN.

b. Những giá trị cốt lõi và của đạo đức công vụ

Cũng như nhiều loại nghề nghiệp khác, công việc do công chức đảm
nhận thực hiện (công vụ) phải hướng đến những giá trị nhất định. Do bản chất
của công việc mà công chức đảm nhận là QLNN và cung cấp dịch vụ hành
chính công cho xã hội nên những giá trị cốt lõi của công vụ phải được xác định
dựa trên thuộc tính của các công việc cụ thể mà công chức đảm nhận. Công việc
mà công chức đảm nhận thực chất là sự ủy thác quyền lực của nhân dân cho nhà
nước thực hiện, thông qua đội ngũ cán bộ, công chức cùng với cơ sở vật chất
hiện thực để thực thi công vụ phục vụ nhân dân. Do đó, trong thực thi công vụ
phục vụ nhân dân đòi hỏi công chức phải có đạo đức công vụ. Đạo đức công vụ
là những giá trị đạo đức và chuẩn mực pháp lý được áp dụng cho cán bộ, công
chức nhà nước và những người có chức vụ, quyền hạn khác khi thi hành nhiệm
vụ, công vụ.

Giá trị cốt lõi mà công chức đảm nhận thể hiện ở cách công chức xử sự và
đóng góp để xã hội tốt đẹp hơn, bao gồm dịch vụ công tốt và từng cá nhân công
chức cũng phải thường xuyên trau dồi, bồi dưỡng về mọi mặt để tiến bộ hơn.
Hơn thế, đạo đức của công chức còn là những chuẩn mực giá trị đạo đức và
hành vi ứng xử thể hiện vai trò công bộc của công chức trong quan hệ với nhân
dân. Nói cách khác, đó là sự điều chỉnh và xem xét về mặt đạo đức các quyết
định và hành động của công chức trong quá trình thực thi công vụ.

Trên thực tế, giá trị cốt lõi của đạo đức công vụ mà công chức đảm nhận
thường là những nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp trong việc quản lý nhà nước
trên từng lĩnh vực cụ thể của đời sống. Những giá trị ấy góp phần tăng cường
đạo đức công chức, làm tăng thêm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của mỗi
công chức qua những hoạt động, hành vi cụ thể trong quá trình thực thi công vụ.
Mỗi công chức trong nền công vụ đều phải tự giác, tự nguyện xác định cho mình
sự tôn trọng các quy tắc ứng xử mang tính nghề nghiệp.

Theo mong đợi từ xã hội, công chức phải tham gia vào đời sống chính trị -
xã hội ở cấp độ cao nhất của sự liêm chính. Bởi vì, mục đích cuối cùng của nền
công vụ là phục vụ nhân dân, có trách nhiệm với nhân dân.

c. Quá trình hình thành đạo đức công vụ

Quá trình hình thành đạo đức công vụ của công chức có thể chia thành ba
giai đoạn. Tuy nhiên, việc phân chia chi tiết các giai đoạn này chỉ mang tính
tương đối.

- Giai đoạn tự phát, tiền công vụ

Quá trình hình thành đạo đức công vụ cũng giống như quá trình hình
thành đạo đức nói chung. Đó là một quá trình từ nhận thức, ý thức đến tư duy
hành động và cuối cùng được chuẩn hóa thành quy tắc, quy chế và pháp luật của
nhà nước. Những giá trị của công vụ không chỉ được xem xét từ trong các tổ
chức nhà nước mà còn phải từ hoạt độngtham gia xây dựng Nhà nước ngày càng
gia tăng của nhân dân: Nhà nước càng ngày càng dân chủ trong tất cả các lĩnh
vực của đời sống xã hội; vai trò của nhân dân ngày càng trở nên thiết yếu quan
trọng trong giám sát các hành vi ứng xử của cán bộ, công chức, đòi hỏi cán bộ,
công chức phải vươn đến giá trị cốt lõi mà công dân mong muốn.

- Giai đoạn pháp luật hóa, bắt buộc tuân thủ

Những người là công chức đã được pháp luật quy định. Tuy nhiên, nội hàm
của công chức có sự thay đổi theo sự vận động, cải cách hoạt động quản lý nhà
nước và hệ thống chính trị. Khi nói về đạo đức công vụ là đề cập đến những khía
cạnh đạo đức của công chức khi thực thi công vụ, nhiệm vụ của họ, song cũng
có thể vận dụng đạo đức trong thực thi công vụ cho tất cả nhóm người làm việc
cho nhà nước, trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của hệ thống chính trị. Từ Sắc lệnh
76/SL năm 1950 đến Luật cán bộ, công chức năm 2008 đã có những sự thay đổi
về cách phân loại và gọi tên công chức. Xu hướng chung hiện nay của các nước
trên thế giới là pháp luật hóa những giá trị cốt lõi của công vụ (pháp luật về công
vụ) và pháp luật hóa những quy tắc, chuẩn mực giá trị đạo đức cũng như hành vi
ứng xử của công chức trong thực thi công vụ. Từ các nước phát triển đến các
nước đang và chậm phát triển đã đều từng bước đưa ra những giá trị chuẩn mực
đạo đức trong thực thi công vụ, đòi hỏi của công chức phải nghiêm túc chấp
hành.

- Giai đoạn tự giác

Quá trình hình thành đạo đức công vụ là các giai đoạn phát triển nhận
thức từ tự phát đến thể chế hóa thành pháp luật của nhà nước và cuối cùng là
hình thành chuẩn mực đạo đức mang tính tự giác thực hiện trong thực thi công
vụ của công chức. Ba giai đoạn phát triển và hình thành đạo đức công vụ có ý
nghĩa và vai trò khác nhau, nhưng đều hướng đến đích cuối cùng là xác lập tính
tự giác tuân thủ và thực hành các chuẩn mực, tiêu chí đạo đức của cán bộ, công
chức trong thực thi công vụ. Nhiều trường hợp khó, thậm chí không thể kiểm
soát được hoạt động của công chức bằng pháp luật, vì tính đa dạng, đa diện của
hoạt động công vụ. Khi đó, lương tâm nghề nghiệp, đạo đức công vụ với tư cách
sự điều chỉnh từ bên trong sẽ là nhân tố quyết định, thúc đẩy công chức thực thi
công vụ một cách tốt nhất để phục vụ tốt người dân và quản trị tốt quốc gia.

d. Các thành tố của đạo đức công vụ

- Đạo đức người công chức nói chung và đạo đức công chức khi thực thi
công vụ (đạo đức công vụ) do nhiều yếu tố khác nhau cấu thành, với
nhiều cấp độ, mức độ khác nhau. Đạo đức công vụ trước hết được hình thành từ
đạo đức cá nhân của người công chức. Do vậy, muốn tìm hiểu, nghiên cứu đạo
đức nghề nghiệp của công chức, đòi hỏi phải xem xét từ khía cạnh đạo đức cá
nhân công chức.

Công chức thực thi công việc của nhà nước cũng là một con người. Họ có
tất cả các yếu tố của một con người - cá nhân. Từ giác độ đạo đức cá nhân, công
chức cũng như mọi công dân. Từ giác độ là công chức - người đại diện cho nhà
nước, thì bản thân công chức lại có những đòi hỏi khác từ phía xã hội, dư luận
và nghề nghiệp.

+ Một là, công chức xét theo nghĩa chung nhất là người góp phần xây dựng
và thực thi pháp luật. Như vậy, họ là người am hiểu nhất những giá trị cốt lõi
của pháp luật. Nếu họ vi phạm chuẩn mực đạo đức trong thực thi công vụ, thực
thi pháp luật thì tác động rất lớn đến xã hội.

+ Hai là, công chức cũng là người triển khai tổ chức thực hiện, đưa những
giá trị cốt lõi của pháp luật vào đời sống (với nghĩa họ là người triển khai tổ
chức thực hiện pháp luật). Sự tuân thủ pháp luật cũng chính là tấm gương cho
người khác tuân theo.

+ Ba là, công chức là công dân và do đó cũng phải tuân thủ các quy định
chung của pháp luật dù bất cứ vị trí nào. Song, đây là một trong những thách
thức về khía cạnh đạo đức cá nhân công chức trong thực thi công vụ nếu họ
không khách quan, liêm chính.

- Đạo đức công vụ được hình thành từ đạo đức xã hội của bản thân công
chức: Đạo đức xã hội như trên đã nêu là chuẩn mực, những giá trị của các giai
đoạn phát triển nhất định của xã hội. Đạo đức xã hội và các cam kết thực hiện
những giá trị chuẩn mực của đạo đức xã hội tạo ra tiền đề cho xã hội phát triển.
Về phương diện này, công chức phải là người tích cực nêu cao và thực hành
những giá trị chuẩn mực đạo đức phù hợp với lẽ phải thông thường của xã hội,
chống lại cái ác, bất thiện. Đạo đức xã hội của công chức thể hiện tính dân chủ
của công vụ mà công chức thực thi công vụ phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân
dân. Sự không thiên vị, vô tư và trong sáng làm cho người dân cảm nhận được
sự tin tưởng hơn ở nhà nước, mà công chức là người đại diện; trong khi đó, nếu
thiên vị vì nhiều lý do khác nhau sẽ làm cho tính chất công vụ thay đổi, làm
giảm niềm tin của người dân đối với nhà nước. Vì vậy, về nguyên tắc nghề
nghiệp, công chức không chỉ thể hiện tính đạo đức của mình thông qua các giá
trị đạo đức nghề nghiệp nói chung, mà còn phải tuân theo những giá trị đạo đức
nghề nghiệp đặc thù trong thực thi công vụ. Ví dụ: Luật cán bộ, công chức quy
định những chuẩn mực đạo đức trong hoạt động công vụ của công chức, công
chức phải coi đó như “là chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp có tính tối thiểu”,
không được vi phạm và từng bước tự giác nâng cao tối đa giá trị đạo đức nghề
nghiệp vượt trên cả chuẩn mực pháp lý - đạo đức công vụ trong thực thi công vụ
của mình.

Trong hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước, nhiều người cùng làm
việc, nhưng nắm giữ các vị trí khác nhau, do đó cần có những quy định mang
tính đạo đức cho từng nhóm công chức: nhóm công chức nắm giữ các vị trí lãnh
đạo, quản lý; những người làm việc cho nhà nước được xếp vào ngạch, bậc,
mang tính thường xuyên và những người thuộc hệ thống bầu cử.

- Đạo đức công vụ là sự tổng hòa của hai nhóm nhóm đạo đức xã hội và
đạo đức cá nhân người công chức trong thực thi công vụ:

Công chức thực thi công vụ của nhà nước giao cho, đòi hỏi phải có cả
đạo đức cá nhân, đạo đức xã hội theo hướng tích cực, được xã hội chấp nhận.
Mặt khác, họ phải có đạo đức nghề nghiệp theo từng loại nghề cụ thể. Tuy
nhiên, do vị trí đặc biệt của công chức, hoạt động của họ bị ràng buộc không chỉ
những quy định trên, mà còn chịu ràng buộc của pháp luật quy định đối với
chính họ và công việc mà họ đảm nhận. Công chức thự nhận thức đúng đạo đức
trong thực thi công vụ của mình, đó là:

+ Đạo đức cá nhân, đạo đức xã hội;

+ Đạo đức nghề nghiệp;

+ Những quy định pháp luật về hoạt động công vụ.

Trong đó, muốn có đạo đức công vụ tốt, công chức trong thực thi công
vụ phải có nền tảng đạo đức cá nhân tốt, vừa phải có phông đạo đức xã hội
mang tính tự giác cao; đồng thời phải có ý thức tuân thủ, thượng tôn pháp luật,
nhất là những quy định pháp luật đối với khu vực công và người là việc trong
khu vực công.

2. Nội dung cơ bản của đạo đức công vụ

Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến công tác cán bộ và xây dựng
đội ngũ công chức. Người thường xuyên nhắc nhở công chức nhà nước phải
thấm nhuần và thực hiện đồng thời hai việc: tuân thủ pháp luật nhà nước, kỷ luật
của tổ chức và giữ gìn đạo đức cách mạng. Đó là hai việc có quan hệ chặt chẽ
với nhau. Đạo đức cách mạng đòi hỏi người công chức nhà nước bất kỳ ở lĩnh
vực công tác nào, trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng không được vi phạm pháp
luật và coi thường kỷ luật của cơ quan. Người nhận thức sâu sắc về vai trò, vị
thế xã hội của đội ngũ công chức trong đời sống xã hội. Người chỉ rõ, hiệu quả
hoạt động của bộ máy nhà nước phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng của đội ngũ
công chức, bởi lẽ: “Cán bộ là cái dây truyền của bộ máy. Nếu dây truyền không
tốt, không chạy thì động cơ dù tốt, dù chạy, toàn bộ máy cũng tê liệt. Cán bộ là
người đem chính sách của Chính phủ, của Đoàn thể thi hành trong nhân dân, nếu
cán bộ dở thì chính sách hay cũng không thi hành được”[[3]](#footnote-3).

a. Các chuẩn mực đạo đức

Thứ nhất, công chức phải tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng.
Công chức là những người ăn lương nhà nước, làm việc trong bộ máy nhà nước,
mà nhà nước ta là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; vì thế nên
trung thành với sự nghiệp cách mạng là phẩm chất đạo đức đầu tiên cần phải có
ở công chức.

Thứ hai, công chức phải có ý thức rèn luyện chuyên môn nghiệp vụ. Năng
lực chuyên môn nghiệp vụ là phẩm chất thuộc về tài còn ý thức rèn luyện
chuyên môn nghiệp vụ là phẩm chất thuộc về đức. Bất kỳ ai, khi làm bất cứ việc
gì và bất cứ ở đâu mà không thành thạo chuyên môn, nghiệp vụ thì đều thể gây
ra tác hại lớn cho xã hội. Đặc biệt, đối với công chức, những người hoạt động
trong bộ máy nhà nước, liên quan đến toàn bộ đời sống xã hội, sự không thạo
việc của họ sẽ dẫn đến tác hại khôn lường.

Thứ ba, công chức phải có mối liên hệ mật thiết với nhân dân. Đây là yêu
cầu tất yếu của công chức vì nhà nước ta là nhà nước của dân, do dân, vì dân. Hồ
Chí Minh viết: “Đạo đức cách mạng là hoà mình với quần chúng thành một khối,
tin quần chúng, hiểu quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng. Do lời nói và
việc làm, đảng viên, đoàn viên và cán bộ làm cho dân tin, dân phục, dân yêu”[[4]](#footnote-4)24

Thứ tư, công chức phải dám quyết đoán, dám chịu trách nhiệm, không
hoang mang khi thất bại, không kiêu ngạo khi thắng lợi. Chủ tịch Hồ Chí Minh
viết: “Cán bộ và đảng viên cần nâng cao tinh thần phụ trách trước Đảng và trước
quần chúng, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân ... phải “chí công vô tư” và có
tinh thần” lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”[[5]](#footnote-5).

Thứ năm, công chức phải trung thực, luôn có chí tiến thủ, luôn tự phê bình và
phê bình, không thành kiến, không giấu khuyết điểm, phải là một tấm gương mẫu
mực về đạo đức cách mạng, phải vì dân vì nước. Đạo đức của người cách mạng
không phải là những giáo điều nói suông mà phải là đạo đức của hành động.

Thứ sáu, công chức phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Công chức
hưởng lương từ ngân sách nhà nước, từ sự đóng góp của nhân dân; nhân dân trả
công cho cán bộ, công chức để phục vụ họ thì những người này phải cố gắng
làm để phục vụ ngày càng tốt hơn cho nhân dân, đó là cần. Sở dĩ có nạn tham ô
và lãng phí là do bệnh quan liêu. Vì mắc bệnh quan liêu thành thử có mắt mà
không thấy suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có
kỷ luật mà không nắm vững, đó là không liêm, không chính. Công chức làm
việc công, tiêu tiền công, lại có ít nhiều quyền hành nếu không có ý thức, tinh
thần cao thì rất dễ hủ bại, đó là thiếu chí công vô tư.

Thứ bảy, công chức phải có tinh thần trách nhiệm cao với công việc, không
nên suy bì xem công việc của mình có quan trọng hay không; công việc nào
cũng cần thiết đối với cách mạng; khi đã làm việc gì dù gặp khó khăn, trở ngại
cũng phải quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Thứ tám, công chức phải chấp hành nghiêm kỷ luật và có tinh thần sáng tạo
trong thi hành công vụ, có ý chí cầu tiến bộ, luôn luôn phấn đấu trong công việc.
Cán bộ, công chức phải luôn có chí tiến thủ, tinh thần cầu tiến bộ. Mỗi cán bộ,
công chức, viên chức khi thi hành công vụ cần phải gương mẫu về đạo đức, tự
giác tuân thủ kỷ luật của cơ quan, giữ vững nền nếp công tác, tránh được những
cám dỗ; cán bộ phụ trách phải theo đường lối chung nhưng cũng phải suy nghĩ
tìm tòi, có những sáng kiến riêng của mình.

Thứ chín, công chức phải có tinh thần thân ái, hợp tác với đồng nghiệp
trong thực hiện công việc. Mọi người cần đoàn kết thân mật, hợp tác chặt chẽ
với nhau thì công việc mới hoàn thành được; thân ái, hợp tác ở đây không phải
là bao che khuyết điểm cho đồng nghiệp mà để giúp đỡ nhau cùng tiến bộ và
kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn những hành vi vi phạm kỷ luật trong thi hành
công vụ và trong cuộc sống.

b. Các chuẩn mực pháp lý

Trong Luật cán bộ, công chức năm 2008, thuật ngữ “đạo đức” lần đầu tiên
được đưa vào trong văn bản pháp luật về cán bộ, công chức.

- Luật quy định có tính định hướng về những giá trị tốt lõi cần quan tâm khi
thi hành công vụ, đó là:

+ Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật;

+ Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công
dân;

+ Công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền và có sự kiểm tra, giám sát;

+ Bảo đảm tính hệ thống, thống nhất, liên tục, thông suốt và hiệu quả;

+ Bảo đảm thứ bậc hành chính và sự phối hợp chặt chẽ.

- Cụ thể hóa những nghĩa vụ mà cán bộ, công chức phải thực hiện:

+ Trung thành với Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà nước CHXHCN Việt
Nam; bảo vệ danh dự Tổ quốc và lợi ích quốc gia;

+ Tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân;

+ Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của
nhân dân;

+ Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và
pháp luật của Nhà nước;

+ Thực hiện đúng, đầy đủ và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm
vụ, quyền hạn được giao;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật; nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, quy chế của
cơ quan, tổ chức, đơn vị; báo cáo người có thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi
phạm pháp luật trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; bảo vệ bí mật nhà nước;

+ Chủ động và phối hợp chặt chẽ trong thi hành công vụ; giữ gìn đoàn kết
trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

+ Bảo vệ, quản lý và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài sản nhà nước được
giao;

+ Chấp hành quyết định của cấp trên. Khi có căn cứ cho rằng quyết định
đó là trái pháp luật thì phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với người ra quyết
định; trường hợp người ra quyết định vẫn quyết định việc thi hành thì phải có
văn bản và người thi hành phải chấp hành nhưng không chịu trách nhiệm về hậu
quả của việc thi hành, đồng thời báo cáo cấp trên trực tiếp của người ra quyết
định. Người ra quyết định phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định
của mình;

+ Chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm về kết
quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

+ Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc thi hành công vụ của cán bộ, công
chức;

+ Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống quan liêu, tham nhũng,
thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm về việc để xảy ra quan
liêu, tham nhũng, lãng phí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

+ Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về dân chủ cơ sở, văn hóa
công sở trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; xử lý kịp thời, nghiêm minh cán bộ,
công chức thuộc quyền quản lý có hành vi vi phạm kỷ luật, pháp luật, có thái độ
quan liêu, hách dịch, cửa quyền, gây phiền hà cho công dân;

+ Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật, theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ
quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cá nhân, tổ
chức;

+ Trong giao tiếp ở công sở, cán bộ, công chức phải có thái độ lịch sự, tôn
trọng đồng nghiệp; ngôn ngữ giao tiếp phải chuẩn mực, rõ ràng, mạch lạc;

+ Cán bộ, công chức phải lắng nghe ý kiến của đồng nghiệp; công bằng, vô
tư, khách quan khi nhận xét, đánh giá; thực hiện dân chủ và đoàn kết nội bộ;

+ Khi thi hành công vụ, cán bộ, công chức phải mang phù hiệu hoặc thẻ
công chức; có tác phong lịch sự; giữ gìn uy tín, danh dự cho cơ quan, tổ chức,
đơn vị và đồng nghiệp;

+ Cán bộ, công chức phải gần gũi với nhân dân; có tác phong, thái độ
lịchsự, nghiêm túc, khiêm tốn; ngôn ngữ giao tiếp phải chuẩn mực, rõ ràng,
mạch lạc;

+ Cán bộ, công chức không được hách dịch, cửa quyền, gây khó khăn,
phiền hà cho nhân dân khi thi hành công vụ.

- Quy định những việc cán bộ, công chức không được làm gồm:

+ Trốn tránh trách nhiệm, thoái thác nhiệm vụ được giao; gây bè phái, mất
đoàn kết; tự ý bỏ việc hoặc tham gia đình công;

+ Sử dụng tài sản của nhà nước và của nhân dân trái pháp luật;

+ Lợi dụng, lạm dụng nhiệm vụ, quyền hạn; sử dụng thông tin liên quan
đến công vụ để vụ lợi;

+ Phân biệt đối xử dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn
giáo dưới mọi hình thức;

+ Không được tiết lộ thông tin liên quan đến bí mật nhà nước dưới mọi
hình thức;

+ Cán bộ, công chức làm việc ở ngành, nghề có liên quan đến bí mật nhà
nước thì trong thời hạn ít nhất là 05 năm, kể từ khi có quyết định nghỉ hưu, thôi
việc, không được làm công việc có liên quan đến ngành, nghề mà trước đây
mình đã đảm nhiệm cho tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước
ngoài hoặc liên doanh với nước ngoài.

Ngoài những việc cán bộ, công chức không được làm như đã nêu, cán bộ,
công chức còn không được làm những việc liên quan đến sản xuất, kinh doanh,
công tác nhân sự quy định tại Luật phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành
tiết kiệm, chống lãng phí và những việc khác theo quy định của pháp luật và của
cơ quan có thẩm quyền.

3. Thực hành đạo đức công vụ

Để thực hành đạo đức nói chung, mỗi con người cần phải:

Một là, đối với bản thân mình, không tự kiêu, tự đại. Tự kiêu, tự đại tức là
thoái bộ, do đó ai cũng phải luôn luôn cầu tiến bộ, tự kiểm điểm, tự phê bình để
cùng tiến lên với người khác.

Hai là, đối với người, không nịnh hót người trên, không khinh người dưới.
Thái độ phải chân thành, khiêm tốn, giúp người tiến bộ, thực hành bác ái.

Ba là, đối với công việc phải để việc nước trên việc nhà. Đã làm việc gì thì
phải hoàn thành, vượt khó khăn, nguy hiểm không kể việc to hay nhỏ. Việc thiện
thì nhỏ mấy cũng phải làm. Việc ác thì nhỏ mấy cũng tránh; Một dân tộc mà biết
cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư sẽ là một dân tộc văn minh, đây là những
yếu tố để chỉ một xã hội hưng thịnh. Nếu đi trái với những chuẩn mực này xã
hội sẽ mục nát, suy vong.

Từ ba nội dung trên, có thể xác định việc thực hành đạo đức công vụ ở hai
khía cạnh lớn sau đây:

a. Đối với đội ngũ cán bộ, công chức

- Không ngừng tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng;

- Không ngừng học tập nâng cao trình độ, năng lực, chịu học, biết học và
biết học có hiệu quả;

- Luôn luôn bám sát thực tiễn, vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

- Kiên trì tích lũy kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng công tác;

- Rèn luyện bản lĩnh và năng lực lãnh đạo, quản lý, khả năng cùng làm việc
với tập thể, khả năng tổ chức thực hiện và biết chịu trách nhiệm;

- Kiên trì cuộc đấu tranh chống lại dốt nát, nghèo đói, thói hư, tật xấu, nhất
là sự lười biếng, sự đố kỵ, tham nhũng, cửa quyền, quan liêu, cách sống buông
thả và sa đoạ;

b. Đối với nhà nước, các cơ quan nhà nước

Một là, xây dựng và hoàn thiện quy chế công vụ, đạo đức công vụ, thông
qua hệ thống pháp luật và các văn bản pháp quy của các cơ quan nhà nước cho
từng loại, từng chức danh công chức, bao gồm: những chuẩn mực về đạo đức
công vụ; chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; chuẩn mực về tính hợp pháp của
hành vi công vụ; chuẩn mực về niềm tin nội tâm của người công chức (bản lĩnh
dựa trên kiến thức, kinh nghiệm và ý thức chấp hành pháp luật). Cụ thể hoá
những giá trị đạo đức như: Lòng trung thành, cần, kiệm, liêm, chính... thành
những chuẩn mực cụ thể trong hành vi công vụ, trong những bối cảnh và quan
hệ xác định.

Hai là, xây dựng và hoàn thiện cơ chế dân chủ, bằng những quy định và
chuẩn mực pháp luật, để nhân dân tham gia xây dựng và giám sát hoạt động của
đội ngũ cán bộ, công chức và cơ quan nhà nước.

Ba là, xây dựng và hoàn thiện quy chế đánh giá cán bộ, công chức (quy
trình đánh giá, nội dung đánh giá) theo hướng công khai, dân chủ, có sự tham
gia của dư luận xã hội và công dân.

Bốn là, xây dựng quy chế về cam kết và lời thề công vụ của cán bộ, công
chức khi được bổ nhiệm.

Năm là, đầu tư nghiên cứu về đạo đức công vụ; về những giá trị, lý tưởng
đạo đức công vụ để từng bước cụ thể hoá nó thành những chuẩn mực pháp luật;
nhất là, nghiên cứu về đạo đức công vụ trong điều kiện kinh tế thị trường ở nước
ta hiện nay.

c. Thực hành đạo đức công vụ

- Công chức khi thi hành công vụ phải coi trọng nguyên tắc, ý thức sâu sắc
về bổn phận, trách nhiệm, nhất là ý thức rõ rệt về trách nhiệm cá nhân trước
những công việc được giao phó, ủy thác. Bản thân mình có biết coi trọng nhân
cách, phẩm giá, danh dự của mình thì mới biết tôn trọng người khác, danh dự và
nhân phẩm của người khác.

- Rèn luyện đạo đức hàng ngày để tự hoàn thiện nhân cách. Khi thi hành
công vụ, công chức phải trung thực, khiêm tốn, giản dị, ham học, ham làm, ham
tiến bộ, quý trọng con người, có tình thương yêu đồng chí lẫn nhau. Yêu cầu rất
cao về đạo đức đối với người công chức là người công chức phải là hiện thân
của đạo đức. Sẽ không có gì phản diện hơn khi mà người được giao nhiệm vụ
chăm lo cho sự trong sạch, phục vụ nhân dân lại là người không có đủ năng lực
và đạo đức tương xứng với công việc, chức trách được giao. Điều đó đánh mất
niềm tin, lòng tin của nhân dân đối với nền công vụ.

- Công chức thực hành đạo đức công vụ cũng giống như đi vào một cuộc
chiến đấu, dũng cảm chống lại những cái xấu xa, hư hỏng, lỗi thời, xây dựng
những cái mới mẻ, tốt tươi, tiến bộ. Theo tinh thần đó, phải đặc biệt chú trọng tự
rèn luyện các đức tính: Cần kiệm, liêm chính; các nguyên tắc sống: Chí công vô
tư. Đó là cần mẫn, siêng năng, chu đáo, cẩn thận, tiết kiệm, hết mình trong công
việc, hết lòng với con người. Không trễ nải công việc, không xa lánh con người
do quan liêu, cửa quyền, hách dịch: “Tận tụy với công việc, thanh liêm (không
hà lạm công quỹ, không tham ô), coi nhân dân là đối tượng phụng sự (không
quan liêu, hách dịch), thương yêu đồng nghiệp (không đố kỵ, kèn cựa, vu khống,
đặt điều…), coi bổn phận là tiêu chí thực thi công vụ (không ghen ghét coi
thường người dưới tuổi có chức vụ cao, có sáng kiến)… là yêu cầu và là chuẩn
mực đạo đức công chức khi thực thi công vụ”[[6]](#footnote-6)

Như vậy, muốn có đạo đức tốt phải rèn luyện, tu dưỡng đạo đức suốt đời,
rèn từ việc nhỏ đến việc lớn, cán bộ công chức từ mới đến cũ, từ trẻ đến già, từ
cấp thấp đến cấp cao, trách nhiệm càng cao thì càng phải thực hành đạo đức -
ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong. Để rèn luyện đạo đức
công vụ, công chức trước hết phải thực hiện tốt những quy định về chuẩn mực
đạo đức trong các văn bản mang tính pháp lý; những quy định về quyền lợi và
nghĩa vụ và những điều công chức không được làm, đó là hành lang pháp lý để
công chức tự rèn luyện, tu dưỡng có hiệu quả.

CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN

1. Phân tích tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đạo đức công vụ? Tìm
ví dụ để minh họa?

2. Phân tích một số hoạt động/hành vi “không đảm bảo đạo đức công vụ”
của công chức trong ngành/lĩnh vực/địa phương nơi học viên công tác?

3. Phân tích khía cạnh đạo đức công vụ trong hành vi tham nhũng? Cho ví
dụ minh họa.

4. Nêu mối quan hệ giữa đạo đức công vụ với hiệu lực, hiệu quả thực hiện
nhiệm vụ của công chức được giao.

5. Những giải pháp để bảo đảm đạo đức công vụ tại cơ quan, đơn vị nơi
học viên công tác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Luật cán bộ, công chức năm 2008.

- Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2007,
năm 2012).

- Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013.

- Quyết định số 12/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 của Thủ tướng Chính
phủ về việc ban hành Quy chế văn hoá công sở tại các cơ quan hành chính nhà
nước.

- Học viện Hành chính Quốc gia: Giáo trình Đạo đức công vụ, 2012.

- Võ Nguyên Giáp: Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt
Nam, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015.

- Trần Hải Minh: Mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật trong việc xây
dựng đội ngũ công chức Nhà nước ở Việt Nam hiện nay, NXB. Lý luận chính
trị, Hà nội, 2018.

- Nguyễn Văn Phúc: Đạo đức môi trường, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội
2013.

1. Hồ Chí Minh (1995), Toàn tập, tập 5, NXB, Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.285 [↑](#footnote-ref-1)
2. Sách đã dẫn, t5, tr.269 [↑](#footnote-ref-2)
3. Sách đã dẫn, t.5, tr.54 [↑](#footnote-ref-3)
4. Sách đã dẫn, t.9, tr.291 [↑](#footnote-ref-4)
5. Sách đã dẫn, t.12, tr.311, 312 [↑](#footnote-ref-5)
6. Nguyễn Hữu Khiển (2003), “Đạo đức công vụ và vấn đề nâng cao đạo đức công vụ cho đội ngũ cán
bộ, công chức ở nước ta hiện nay” Tạp chí Triết học (10) tr.7 [↑](#footnote-ref-6)